

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/HN - ST
Ngày: 02 - 3 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đại
2. Ông Trần Thanh Khen

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST - HN ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng P, sinh năm 1981. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng V, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 268A/15 ấp PT1, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Lê Thị Hồng P trình bày:

Chị và anh Phạm Hoàng V sống chung với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2002. Năm 2009, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V hay ghen tuông, vợ chồng sống chung không có sự tin tưởng nhau, từ đó chị và anh V

không còn sống chung với nhau. Từ năm 2009 đến nay chị và anh V mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc, cũng không có liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Hữu Ngh, sinh ngày 01/01/2000, Phạm Thị Yến Nh, sinh ngày 25/8/2002 và Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/8/2004. Cháu Ngh và cháu Nh đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, chị P yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Phạm Hoàng V không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu hợp lệ, nhưng không có ý kiến và có mặt tại Tòa án để giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Phạm Hoàng V

- Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/8/2004 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Hoàng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị P nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn”, do bị đơn hiện còn đăng ký thường trú tại xã Đồng Phú, huyện Long Hồ. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Hoàng V được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đồng Phú xác định chị Lê Thị Hồng P và anh Phạm Hoàng V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Phú vào năm 2002. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị P và anh V không còn gắn bó, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia

sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không sống chung từ năm 2009 đến nay là khoảng thời gian khá dài nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V đã được triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhưng không tham gia cũng không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị P, nên không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/8/2004, cháu N có nguyện vọng sống chung với chị P. Anh V cũng không có ý kiến gì. Nên, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Chị P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[8] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Phạm Hoàng V.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/8/2004 cho chị Lê Thị Hồng P tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006111 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Hồng P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Hoàng V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú